

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH L ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2021/DS-ST**

Ngày 01 - 6 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH L ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Ngọc Hà;

2. Bà Lê Thị Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L Đồng.

**- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L Đồng tham gia phiên tòa:** Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ah Trần Đức L, sinh năm 1982; chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 799/27, đường Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh L Đồng. Ah Trần Đức L là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị D theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019. Ah L có mặt, chị D vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1971; ông Trần Phúc A, sinh năm 1970; HKTT: Số nhà 49, đường L, Tổ S, thị trấn D, huyện D, tỉnh Đ. Nơi ở hiện nay: Thôn R, xã G, huyện D, tỉnh Đ. Bà N có mặt, ông A vắng mặt do bận công việc gia đình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/12/2018, đơn bổ sung ghi ngày 07/01/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn Ah Trần Đức L, chị Nguyễn Thị D có nội dung: Trong thời gian từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018 bà N nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh L, chị D. Ngày 14/5/2018 hai bên đối chiếu nợ và bà N tự tay viết và ký giấy xác nhận có vay vợ chồng anh L, chị D số tiền 3.350.000.000 đồng, hẹn thanh toán trong thời hạn 02 tháng. Do bà N không trả nợ nên vợ chồng anh L, chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N, ông A trả nợ gốc 3.350.000.000 đồng và nợ lãi do chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 15/7/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, anh L xác định bà N vay tiền để sử dụng cho mục đích chung của vợ chồng. Vì vậy anh yêu cầu vợ chồng bà N, ông A liên đới trả cho vợ chồng anh nợ gốc 3.350.000.000 đồng, nợ lãi do chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2018 đến ngày xét xử 01/6/2021 là 960.000.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh là bản chính văn bản nhận nợ viết tay ghi ngày 14/5/2018 có chữ ký và điểm chỉ của bà Trần Thị Thanh N.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 18/01/2019 của bà Trần Thị Thanh N; Bản tự khai ngày 23/01/2019 của vợ chồng bà Trần Thị Thanh N, ông Trần Phúc A có nội dung: Công nhận trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 bà N đã nhiều lần vay của vợ chồng anh L, chị D tổng số tiền 3.350.000.000 đồng. Ngày 14/5/2018 bà N đã viết giấy nhận vay của vợ chồng anh L, chị D 3.350.000.000 đồng, cam kết trả nợ trong hạn 02 tháng nhưng chưa trả nợ được. Nay vợ chồng bà N, ông A đồng ý nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh L, chị D.

Tại phiên tòa, bà N khai số tiền vay của vợ chồng anh L, chị D được bà sử dụng cho người khác vay lại để lấy tiền lãi phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Bà N xác định vợ chồng bà N, ông A cùng có trách nhiệm trả 3.350.000.000 đồng nợ gốc và 960.000.000 đồng nợ lãi như vợ chồng anh L, chị D yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 3.350.000.000 đồng nợ gốc và 960.000.000 đồng nợ lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trần Phúc A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Phúc A là đúng pháp luật.

[2] Theo tài liệu bản chính văn bản viết tay không có tiêu đề ghi ngày 14/5/2018 do anh Trần Đức L giao nộp làm chứng cứ; lời khai của các đương sự trong quá trình tố tụng có cơ sở xác định: Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, bà N đã nhiều lần vay của vợ chồng anh L, chị D tổng số tiền 3.350.000.000 đồng, số tiền vay được bà N sử dụng để cho người khác vay lại lấy tiền lãi phục vụ cuộc sống chung của gia đình, tuy nhiên khi vay hai bên không thỏa thuận rõ ràng về lãi suất và thời hạn thanh toán. Ngày 14/5/2018 hai bên đối chiếu nợ và bà N đã tự tay viết và ký giấy xác nhận có vay vợ chồng anh L, chị D số tiền 3.350.000.000 đồng, hẹn thanh toán trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 14/5/2018. Do tiền vay được bà N sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nhưng chưa trả nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/7/2018. Vì vậy, vợ chồng anh L, chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N, ông A trả nợ gốc 3.350.000.000 đồng, nợ lãi do chậm trả theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2018 đến ngày xét xử 01/6/2021 là 960.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vợ chồng bà Trần Thị Thanh N, ông Trần Phúc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên tổng số tiền gốc, lãi phải thanh toán  $4.310.000.000$  đồng với số tiền án phí là  $112.000.000$  đồng +  $(310.000.000 \text{ đồng} \times 0,1\%) = 112.310.000$  đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức L, chị Nguyễn Thị D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A

phải liên đới trả cho anh Trần Đức L và chị Nguyễn Thị D số tiền 4.310.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm mười nghìn đồng), gồm 3.350.000.000 đồng nợ gốc và 960.000.000 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Buộc bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A phải liên đới chịu 112.310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Trần Đức L, chị Nguyễn Thị D 25.445.000 đồng tạm ứng án phí, đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0009333 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Sỹ**